

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc Mã số: 7220201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Kỹ năng Nghe 1	1.2. Tên tiếng Anh: Listening 1
1.3. Mã học phần:	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học:	30 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Quốc Bảo
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên Bộ môn tiếng Trung
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Luyện âm

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung: Giúp sinh viên củng cố và phát triển kỹ năng nghe tiếng Trung Sơ cấp

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về kiến thức:

Học phần này giúp sinh viên nhận biết được các thanh mẫu, vận mẫu cũng như sự biến điệu trong hệ thống ngữ âm tiếng Trung. Ngoài ra còn giúp Sinh viên nghe hiểu về cách thức chào hỏi, giới thiệu bản thân, bạn bè cũng như một số vấn đề khác thường gặp trong cuộc sống. Hoàn thành học phần Nghe 1 giúp Sinh viên tăng thêm 200 từ vựng từ các chủ đề khác nhau.

2.2.2. Về kỹ năng:

Thông qua học phần Nghe 1 sinh viên được rèn luyện kỹ năng phát âm và kỹ năng nghe ở mức độ đơn giản.

2.2.3. Về thái độ:

Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chăm chỉ chuyên cần, hoàn thành các bài tập do giảng viên yêu cầu, tạo nền tảng tốt cho những học phần khác. Có ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng giảng viên, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, đặc biệt luôn nêu cao tinh thần tự học.

Sinh viên hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
	<i>Về kiến thức</i>
CLO1	Sinh viên nắm được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu cơ bản
CLO 2	Sinh viên nắm được ghép thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu một cách thành thục
CLO 3	Sinh viên nắm được cách dùng của các từ loại như đại từ, giới từ, danh từ, phó từ...các kết cấu được học trong phần từ mới
CLO 4	Sinh viên nắm được cách hỏi giá cả, thứ ngày, tuần, cách hỏi thời gian, kỹ năng miêu tả, đánh giá về phong cảnh, sự vật
	<i>Về kỹ năng</i>
CLO 5	Sinh viên có kỹ năng nghe hiểu một câu hoặc đoạn văn ngắn
CLO 6	Sinh viên có kỹ năng nghe hiểu được một đoạn văn dài, cho dù chưa nghe hiểu hết được toàn bộ các từ và kết cấu ngữ pháp
CLO 7	Sinh viên có kỹ năng nghe hiểu các mẫu hội thoại chỉ có 2 người hoặc 2 người trở lên
CLO 8	Sinh viên có kỹ năng vận dụng nội dung bài học vào cuộc sống giao tiếp hàng ngày.
	<i>Về thái độ Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</i>
CLO 9	Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống giao tiếp hàng ngày.
CLO 10	Nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO 1	I	I	I	I	R	I	R	R	I	R	I	I
CLO 2	I	I	I	R	I	I	I	I	I	I	I	I
CLO 3	I	I	I	I	R	I	I	R	R	I	I	I
CLO 4	I	R	R	R	I	I	R	R	R	I	I	R
CLO 5	I	R	R	I	R	I	R	I	I	I	R	I
CLO 6	I	I	I	I	I	I	I	R	I	I	I	I
CLO 7	I	R	R	R	I	I	I	R	R	I	R	I
CLO 8	I	I	R	I	R	I	I	I	R	I	I	I
CLO 9	R	I	I	I	R	I	I	R	I	I	I	R
CLO 10	R	I	R	I	I	R	I	R	I	R	R	I

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	A1. Quan sát, điểm danh.		x		Theo dõi việc sinh viên tham gia lớp học phần và mức độ đóng góp tích cực cho buổi học. (Theo Rubric 1)
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	15%	A2.1. Tuần 4 (Tổng hợp kiến thức)	50%		CLO 1, CLO 5,	A2.1. Thi viết, trắc nghiệm dựa trên nội dung và mục tiêu của bài đang học (Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn)
		A2.2. Tuần 8 (Các bài trong quá trình học)	50%		CLO 3, CLO 7	A2.2. Thi viết, trắc nghiệm dựa trên nội dung và mục tiêu của bài đang học (Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm)
A3. Bài tập lớn: Thuyết trình	10%	Nghe theo nhóm		x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 6	Theo Rubric 2
A3. Đánh giá cuối kỳ	70%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi vấn đáp		x	CLO 1-10	Chấm theo đáp án Rubric 2 (Viết, trắc nghiệm)

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cỡ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	第 1 课：你好 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được quy luật cơ bản của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. + Nắm được cách dùng của một số thanh mẫu. Vận mẫu đặc trưng + Nắm được cách chào hỏi cơ bản khi làm quen.	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và	- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến	A1

					projector đề hướng dẫn - Sinh viên tự học	đề hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
2	第 2 课 : 你是哪国人 ? 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được quy luật cơ bản của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. + Nắm được cách dùng của một số thanh mẫu. Vận mẫu đặc trưng + Nắm được cách chào hỏi	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ	A1

			thông thường, hỏi về quốc tịch, cách hỏi họ tên		liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học	mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
3	第3课：你叫什么名字？ 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được quy luật cơ bản của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. + Nắm được cách dùng của	<i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;	A1

			<p>một số thanh mẫu. Vận mẫu đặc trưng</p> <p>+ Nắm được cách dùng của đại từ chỉ thị 这、那, cách dùng của động từ 有, 是, 在, cách dùng của đại từ nghi vấn 几, 多少</p>	<i>CLO5</i>	<p>cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp:</p> <p>Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	
4	<p>第 4 课：这是什么？</p> <p>1. 语音</p>	1+1	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Nắm được một vài từ</p>	<i>CLO4</i>	<p>- PP thuyết</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở</p>	A1

	2. 课文		<p>vững cơ bản liên quan đến mua sắm</p> <p>+ Nắm được cách hỏi về một vật mà bản thân không biết</p> <p>+ Nắm được các cấu trúc cơ bản khi hỏi về một vật</p>	<p><i>CLO5</i></p> <p><i>CLO6</i></p>	<p>trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>nhà: Tài liệu học tập;</p> <p>Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phân chuẩn bị trên lớp:</p> <p>Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	
--	-------	--	--	---------------------------------------	---	--	--

5	<p>第 5 课：你有几本词典？</p> <p>1. 语音</p> <p>2. 课文</p>	1+1	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Nắm được cách hỏi về số lượng của một vật</p> <p>+ Nắm được cách dùng của một vài đại từ nghi vấn cơ bản</p> <p>+ Nắm được cách dùng của tổ danh từ</p>	<p><i>CLO4</i></p> <p><i>CLO5</i></p> <p><i>CLO8</i></p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động</p>	A1
---	---	-----	---	--	---	---	----

						do giảng viên đưa ra	
6	第 6 课：苹果多少钱一斤？ 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được cách hỏi giá và trả giá.về một vật muốn mua + Nắm được cách dùng của đơn vị trọng lượng + Nắm được cách dùng của đơn vị tiền tệ của Trung Quốc. + Nắm được phương pháp nghe đại ý khi gặp phải một câu phức dài	<i>CLO1</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn	A1

						sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
7	第7课：留学生楼在哪儿？ 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được cách dùng của động từ 在 + Nắm được cách dùng của các dạng câu hỏi về địa điểm, nơi chốn + Nắm được cách xác định phương hướng.	<i>CLO4</i> <i>CLO5</i> <i>CLO6</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và	A1

						chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
8	第 8 课：今天星期日 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được cách biểu đạt thứ, ngày, tháng năm + Nắm được cách hỏi về thời gian + Nắm được cách hỏi về quá khứ, hiện tại, tương lai	<i>CLO1</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần	A2.

					học	chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
9	第 9 课：你每天几点起床？ 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được cách dùng của các đại từ dùng để hỏi về thời gian như 几 + Nắm được cách dùng của từ ly hợp + Nắm được cách dùng của 每	<i>CLO5</i> <i>CLO6</i> <i>CLO7</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề	

					dẫn - Sinh viên tự học	xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
10	第 10 课：你们小区真漂亮 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được cách dùng của các hình dung từ nói về phong cảnh + Nắm được cách nhận xét về một địa điểm hoặc khu vực và bản thân có ấn tượng sâu sắc + Nắm được cách dùng của	<i>CLO2</i> <i>CLO4</i> <i>CLO6</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1],	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới;	

			phó từ chỉ mức độ 真		máy tính và projector đề hướng dẫn - Sinh viên tự học	Chuẩn bị các ý kiến đề hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
11	第 11 课：你在这儿买什 么？ 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Hiểu được cách dùng của giới từ 在 + Nắm được cách hỏi khi mua một món đồ nào đó + Nắm được cách dùng của	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO6</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước	

			đại từ nghi vấn 什么		- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học	nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
12	第 12 课：坐汽车好，还是骑自行车好？	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được cách dùng của câu hỏi nghi vấn lựa	<i>CLO1</i>	- PP thuyết trình,	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài	

	<p>1. 语音 2. 课文</p>		<p>chọn với từ dùng để hỏi 还是 + Nắm được cách dùng của câu so sánh + Nắm được cách hỏi về giá cả, số lượng giữa các vật với nhau</p>	<p><i>CLO2</i> <i>CLO4</i></p>	<p>giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học</p>	<p>liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	
--	------------------------	--	--	---	--	---	--

13	<p>第 13 课：你起床了吗？</p> <p>1. 语音</p> <p>2. 课文</p>	1+1	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Hiểu được cách dùng câu hỏi lựa chọn 了吗</p> <p>+ Nắm được cách dùng của trợ từ ngữ khí 了</p> <p>+ Nắm được cách dùng khi hỏi về quá khứ của một người hoặc vật</p>	CLO6	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới;	
				CLO7	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng	
				CLO8	- Sinh viên tự học	- Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	

						do giảng viên đưa ra	
14	第 14 课：一到十一月就冷了 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Hiểu được cách dùng câu hỏi thời gian + Nắm được cách dùng của kết cấu 一..., 就... + Nắm được cách nói về thời tiết của một nơi hoặc quốc gia nào đó + Nắm được từ vựng cơ bản về áo quần cũng như phục trang	<i>CLO5</i> <i>CLO6</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn	

						sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
15	第 15 课：我可以进来吗 ？ 1. 语音 2. 课文	1+1	Sinh viên có khả năng: + Nắm được cách dùng từ ngữ chỉ xu hướng đơn 来, 去 + Nắm được cách dùng của phó từ 可以 + Nắm được cách dùng khi xin phép một ai đó làm một việc nào đó + Nắm được phương pháp nghe đại ý khi gặp phải một câu phức dài	<i>CLO5</i> <i>CLO6</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và	

						chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	么书君主编	2011	发展汉语：初级听力 (I)	北京语言大学出版社
Sách, giáo trình tham khảo				
2	博由	2011	发展汉语中级听力 I	北京语言大学出版社
3	碧玉	2004	汉语听力、口语教材	青年出版社
4	周氏黄燕	2005	1000 句交际会话	统计出版社

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học
2				

9. Rubric đánh giá

Rubric 1: Đánh giá Chuyên cần - Thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn					
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5 – 6.9)	MỨC B (7.0 – 8.4)	MỨC A (8.5 - 10)	Trọng số (%)
Chuyên cần	Không tham gia học	Tham gia học không đầy đủ (<50%)	Tham gia học trong đôi đầy đủ	Tham gia học chuyên cần (<90%)	Tham gia học rất chuyên cần	50%

	(<30%)		(<70%)		(>= 90%)	
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp hoặc đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi, tại lớp; phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên trao đổi. Phát biểu tại lớp luôn có chất lượng, mang lại hiệu quả cao.	Tham gia tích cực, sôi nổi các hoạt động cặp, nhóm ... do giảng viên yêu cầu. Đóng góp có chất lượng cho bài giảng.	50%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đình Hùng

Ths. Lê Thị Như Thủy

Nguyễn Quốc Bảo